

# **Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN**

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

# Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 35

# Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại 236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có Chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	
Ông Michael Louis Rosen	Phó Chủ tịch	từ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Đình Long	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên	từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2016
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên	
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên	
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên	
Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2016

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Tuấn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2016

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Khắc Hải	Tổng giám đốc	bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Khải	Quyền Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2016
Ông Nguyễn Việt Hùng	Giám đốc Vận hành	từ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Giám đốc Tài chính	

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Khắc Hải được Ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Giấy Ủy quyền số 01-11/11/2016/UQ-NĐDPL ngày 15 tháng 11 năm 2016.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

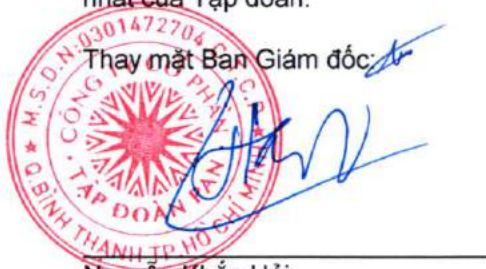
### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 8.1 của báo cáo tài chính riêng và Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Khắc Hải  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 61063721/18591698

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (“Công ty”) được lập ngày 29 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



  
Lê Quang Minh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 0426-2013-004-1



Nguyễn Phan Anh Quốc  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2759-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016


VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>215.982.764.020</b>	<b>134.226.642.224</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>103.124.965.180</b>	<b>41.039.853.077</b>
111	1. Tiền		4.301.247.737	21.039.853.077
112	2. Các khoản tương đương tiền		98.823.717.443	20.000.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>111.460.000.348</b>	<b>92.114.161.418</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	40.213.871.738	48.085.531.171
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		216.822.726	624.237.646
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	17	70.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.029.305.884	43.404.392.601
<b>150</b>	<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.397.798.492</b>	<b>1.072.627.729</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		381.268.794	78.445.685
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		330.139.447	398.835.151
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	9	686.390.251	595.346.893
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.021.921.285.520</b>	<b>1.977.650.550.986</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>89.200.000</b>	<b>393.900.560</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	89.200.000	393.900.560
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>10.393.446.612</b>	<b>8.448.953.781</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	10.393.446.612	8.448.953.781
222	Nguyên giá		19.727.925.457	16.934.214.575
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.334.478.845)	(8.485.260.794)
<b>250</b>	<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>8</b>	<b>2.009.254.808.000</b>	<b>1.968.346.858.812</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.999.800.000.000	1.968.346.858.812
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		9.454.808.000	-
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.183.830.908</b>	<b>460.837.833</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		701.968.370	460.837.833
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		1.481.862.538	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.237.904.049.540</b>	<b>2.111.877.193.210</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>15.110.463.183</b>	<b>8.803.806.720</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>15.110.463.183</b>	<b>8.474.534.920</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		310.745.598	587.544.392
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		208.308.899	208.308.899
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	350.262.175	133.014.562
314	4. Phải trả người lao động		13.188.687	35.863.687
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.322.777.693	395.800.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	10	4.083.567.700	2.794.199.590
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.821.612.431	4.319.803.790
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	<b>329.271.800</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	10	-	329.271.800
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.222.793.586.357</b>	<b>2.103.073.386.490</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>11</b>	<b>2.222.793.586.357</b>	<b>2.103.073.386.490</b>
411	1. Vốn cổ phần		1.023.724.970.000	1.008.724.970.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		1.023.724.970.000	1.008.724.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.021.071.143.351	1.021.203.143.351
415	3. Cổ phiếu quỹ		(561.000.000)	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		11.513.798.268	11.513.798.268
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		167.044.674.738	61.631.474.871
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		56.378.185.271	42.709.430.865
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		110.666.489.467	18.922.044.006
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.237.904.049.540</b>	<b>2.111.877.193.210</b>

  
Vũ Thị Lan Anh  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Tuấn Anh  
Giám đốc Tài chính

  
Nguyễn Khắc Hải  
Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 3 năm 2017



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.1	1.285.155.558	4.464.758.790
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	15	-	(2.403.141.382)
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		1.285.155.558	2.061.617.408
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	12.2	175.189.824.996	128.593.633.023
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	13	(17.819.508.222) -	(488.477.640) (39.202.779)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14, 15	(23.174.663.551)	(18.303.800.735)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		135.480.808.781	111.862.972.056
31	8. Thu nhập khác		41.836.969	-
32	9. Chi phí khác		(112.629.944)	-
40	10. Lỗ khác		(70.792.975)	-
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		135.410.015.806	111.862.972.056
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.1	(24.225.388.877)	(6.797.180.051)
52	13. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	16.3	1.481.862.538	-
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		112.666.489.467	105.065.792.005



Vũ Thị Lan Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Anh  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Khắc Hải  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>135.410.015.806</b>	<b>111.862.972.056</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	7	849.218.051	776.652.542
03	Hoàn nhập dự phòng		-	(803.812.500)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(175.189.824.996)	(95.523.505.438)
06	Chi phí lãi vay		-	39.202.779
<b>08</b>	<b>(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(38.930.591.139)</b>	<b>16.351.509.439</b>
09	Giảm các khoản phải thu		8.418.830.339	2.972.506.416
11	Giảm các khoản phải trả		(3.674.478.648)	(2.567.456.487)
12	Tăng chi phí trả trước		(543.953.646)	(238.015.775)
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(39.202.779)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(24.287.312.660)	(7.533.754.258)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.462.022.848)	(3.480.646.464)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(60.479.528.602)</b>	<b>5.464.940.092</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	7	(2.793.710.882)	(1.237.183.000)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.102.710.000.000)	(2.065.710.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		1.032.710.000.000	2.088.036.479.812
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(78.727.181.188)	(953.959.150.430)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		177.221.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		82.557.532.775	73.154.026.172
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>108.257.640.705</b>	<b>(859.715.827.446)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		14.868.000.000	935.854.565.115
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	11.1	(561.000.000)	-
33	Tiền thu từ đi vay		-	159.500.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(159.500.000.000)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		-	(83.143.748.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>14.307.000.000</b>	<b>852.710.817.115</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		62.085.112.103	(1.540.070.239)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		41.039.853.077	42.579.923.316
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	103.124.965.180	41.039.853.077



Vũ Thị Lan Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Anh  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Khắc Hải  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2017

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại 236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có Chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đề La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 26 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 14).

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 2 công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 8.1 của báo cáo tài chính riêng.

### 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 8.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

#### 2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY** (tiếp theo)

**2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng** (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.3 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

**3.5 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá đầu tư*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

**3.8 Thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.12 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)**

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Thu nhập tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.15 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoài trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Công cụ tài chính**

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trừ với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán ngắn hạn và các khoản phải trả khác.

*Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại theo Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.885.000	191.102.007
Tiền gửi ngân hàng	4.296.362.737	20.848.751.070
Các khoản tương đương tiền (*)	98.823.717.443	20.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>103.124.965.180</b>	<b>41.039.853.077</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (Thuyết minh số 17) và tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Phải thu từ các bên khác	40.183.071.738	47.702.242.823
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng</i>		
<i>Dịch vụ Phúc Bảo Minh</i>	40.183.071.738	47.592.384.427
<i>Khác</i>	-	109.858.396
Phải thu từ các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 17</i> )	30.800.000	383.288.348
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>40.213.871.738</b>	<b>48.085.531.171</b>

**6. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Lãi dự thu	482.316.363	-
Phải thu khác từ bên liên quan	304.700.560	150.500.000
Tạm ứng nhân viên	201.788.961	163.023.801
Cổ tức được chia	-	43.000.000.000
Khác	40.500.000	90.868.800
	<u>1.029.305.884</u>	<u>43.404.392.601</u>
<b>Dài hạn</b>		
Ký quỹ	89.200.000	393.900.560
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.118.505.884</b>	<b>43.798.293.161</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác từ bên liên quan</i> ( <i>Thuyết minh số 17</i> )	810.300.256	43.534.400.560
<i>Phải thu khác từ bên khác</i>	308.205.628	263.892.601

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND			
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	13.778.633.885	2.746.998.540	408.582.150	16.934.214.575
Mua mới	-	2.793.710.882	-	2.793.710.882
Số cuối năm	<u>13.778.633.885</u>	<u>5.540.709.422</u>	<u>408.582.150</u>	<u>19.727.925.457</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	3.256.809.102	386.370.000	347.882.150	3.991.061.252
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>				
Số đầu năm	6.497.698.400	1.632.935.800	354.626.594	8.485.260.794
Khấu hao trong năm	507.339.528	321.645.191	20.233.332	849.218.051
Số cuối năm	<u>7.005.037.928</u>	<u>1.954.580.991</u>	<u>374.859.926</u>	<u>9.334.478.845</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	<u>7.280.935.485</u>	<u>1.114.062.740</u>	<u>53.955.556</u>	<u>8.448.953.781</u>
Số cuối năm	<u>6.773.595.957</u>	<u>3.586.128.431</u>	<u>33.722.224</u>	<u>10.393.446.612</u>

**8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty con ( <i>Thuyết minh số 8.1</i> )	1.999.800.000.000	1.968.346.858.812
Đầu tư vào công ty liên kết ( <i>Thuyết minh số 8.2</i> )	9.454.808.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>2.009.254.808.000</b></u>	<u><b>1.968.346.858.812</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**8.1 Đầu tư vào công ty con**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN (i)	999.900.000.000	99,99	999.900.000.000	99,99
Công ty Cổ phần PAN Farm (ii)	999.900.000.000	99,99	-	-
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung ương (ii)	-	-	921.172.818.812	75
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình (iii)	-	-	25.000.000.000	100
Công ty TNHH Liên Thái Bình (iii)	-	-	22.274.040.000	100
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.999.800.000.000</b>		<b>1.968.346.858.812</b>	

(i) Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313041011 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại 236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

(ii) Công ty Cổ phần PAN Farm là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0107519768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 7 năm 2016. Công ty có trụ sở chính tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Trong năm, Công ty đã chuyển toàn bộ khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương ("NSC") vào Công ty Cổ phần PAN Farm như là một phần của khoản vốn góp thành lập Công ty này. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không nắm giữ khoản đầu tư trực tiếp vào NSC.

(iii) Vào ngày 9 tháng 3 năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 80% phần góp vốn tại Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình và Công ty TNHH Liên Thái Bình. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại mỗi công ty trên giảm xuống còn 20% và Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình và Công ty TNHH Liên Thái Bình trở thành các công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này (Thuyết minh số 8.2).

**8.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình	5.000.000.000	20	-	-
Công ty TNHH Liên Thái Bình	4.454.808.000	20	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.454.808.000</b>		<b>-</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**9. THUẾ**

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(595.346.893)	24.225.388.877	(24.287.312.660)	(657.270.676)
Thuế thu nhập cá nhân	133.014.562	1.230.250.073	(1.013.002.460)	350.262.175
Khác	-	68.150.018	(97.269.593)	(29.119.575)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(462.332.331)</b>	<b>25.523.788.968</b>	<b>(25.397.584.713)</b>	<b>(336.128.076)</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải nộp</i>	133.014.562			350.262.175
<i>Trả trước</i>	(595.346.893)			(686.390.251)

**10. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp và kinh phí công đoàn	92.780.075	91.870.076
Khác	3.990.787.625	2.702.329.514
	<u>4.083.567.700</u>	<u>2.794.199.590</u>
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ thuê văn phòng	-	329.271.800
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.083.567.700</u></b>	<b><u>3.123.471.390</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan     (Thuyết minh số 17)</i>	120.000.000	387.451.800
<i>Phải trả khác cho các bên thứ ba</i>	3.963.567.700	2.736.019.590

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**11. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**11.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>						
Số đầu năm	616.437.480.000	477.636.068.236	-	11.513.798.268	47.246.048.998	1.152.833.395.502
Tăng vốn trong năm	392.287.490.000	543.567.075.115	-	-	-	935.854.565.115
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	105.065.792.005	105.065.792.005
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(83.143.748.000)	(83.143.748.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.536.618.132)	(3.536.618.132)
Trích thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Số cuối năm	<u>1.008.724.970.000</u>	<u>1.021.203.143.351</u>	<u>-</u>	<u>11.513.798.268</u>	<u>61.631.474.871</u>	<u>2.103.073.386.490</u>
<b>Năm nay</b>						
Số đầu năm	1.008.724.970.000	1.021.203.143.351	-	11.513.798.268	61.631.474.871	2.103.073.386.490
Tăng vốn trong năm	15.000.000.000	(132.000.000)	-	-	-	14.868.000.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(561.000.000)	-	-	(561.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	112.666.489.467	112.666.489.467
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.253.289.600)	(5.253.289.600)
Trích thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Số cuối năm	<u>1.023.724.970.000</u>	<u>1.021.071.143.351</u>	<u>(561.000.000)</u>	<u>11.513.798.268</u>	<u>167.044.674.738</u>	<u>2.222.793.586.357</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**11. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**11.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số đầu năm	1.008.724.970.000	616.437.480.000
Tăng trong năm	15.000.000.000	392.287.490.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.023.724.970.000</b>	<b>1.008.724.970.000</b>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức trả bằng tiền	-	83.143.748.000
Cổ tức chưa chi trả	-	-

Trong năm 2016, Công ty đã hoàn tất phát hành mới 1.500.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty được phê duyệt bởi các cổ đông theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01-04/2016/NQ-ĐHCD ngày 26 tháng 4 năm 2016, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-09.16/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 9 năm 2016 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-10/2016/NQ-HĐQT ngày 4 tháng 10 năm 2016. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 1.008.724.970.000 VND lên 1.023.724.970.000 VND.

**11.3 Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số cổ phần	Số cổ phần
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>102.372.497</b>	<b>100.872.497</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>		
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>		
Cổ phiếu phổ thông	102.372.497	100.872.497
<b>Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)</b>		
Cổ phiếu phổ thông	(30.000)	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	102.342.497	100.872.497



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**12. DOANH THU**

**12.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu</b>	<b><u>1.285.155.558</u></b>	<b><u>4.464.758.790</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cho thuê</i>	1.285.155.558	2.061.617.408
<i>Doanh thu dịch vụ vệ sinh</i>	-	2.403.141.382
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	1.044.625.774	2.092.763.734
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	240.529.784	2.371.995.056

**12.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư <i>(Thuyết minh số 8.1)</i>	135.149.975.858	-
Thu nhập từ cổ tức	22.942.500.000	81.957.803.361
Thu nhập từ hoạt động đầu tư	16.899.483.564	7.865.857.015
Lãi từ đầu tư chứng khoán	-	33.070.127.585
Lãi tiền gửi ngân hàng	197.865.574	5.699.845.062
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>175.189.824.996</u></b>	<b><u>128.593.633.023</u></b>

**13. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí tư vấn chuyển nhượng khoản đầu tư	9.952.602.865	-
Khác	7.866.905.357	488.477.640
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>17.819.508.222</u></b>	<b><u>488.477.640</u></b>

**14. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.039.346.266	9.709.839.331
Chi phí lương	9.687.775.717	7.578.361.933
Chi phí khấu hao <i>(Thuyết minh số 7)</i>	849.218.051	776.652.542
Chi phí khác	598.323.517	238.946.929
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>23.174.663.551</u></b>	<b><u>18.303.800.735</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**15. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.039.346.266	12.112.980.713
Chi phí lương	9.687.775.717	7.578.361.933
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 7)	849.218.051	776.652.542
Chi phí khác	598.323.517	238.946.929
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>23.174.663.551</u></b>	<b><u>20.706.942.117</u></b>

**16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**16.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.157.149.493	6.797.180.051
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	68.239.384	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(1.481.862.538)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>22.743.526.339</u></b>	<b><u>6.797.180.051</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>135.410.015.806</b>	<b>111.862.972.056</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty (2015: 22%)	27.082.003.161	24.609.853.852
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	181.783.794	394.881.688
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	68.239.384	-
Thu nhập từ cổ tức	(4.588.500.000)	(18.030.716.739)
Khác	-	(176.838.750)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>22.743.526.339</u></b>	<b><u>6.797.180.051</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**16.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ kế toán khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**16.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại, cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Dự phòng nợ phải thu	1.481.862.538	-	1.481.862.538	-
	<b>1.481.862.538</b>	<b>-</b>		
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>1.481.862.538</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**17. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông	Tiền chi cho hoạt động đầu tư	1.032.710.000.000	1.921.710.000.000
		Lãi từ hoạt động đầu tư	16.899.483.564	8.788.464.726
		Phí tư vấn chuyển nhượng khoản đầu tư	9.952.602.865	-
		Doanh thu cho thuê văn phòng	133.140.463	412.412.896
		Phí tư vấn và phát hành chứng khoán	132.000.000	2.346.800.000
		Lãi chuyển nhượng chứng khoán	-	33.070.127.585
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	491.550.254
Công ty Cổ phần PAN Farm	Công ty con	Góp vốn bằng cổ phiếu Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương	921.172.818.812	-
		Góp vốn bằng tiền	60.772.181.188	-
		Góp vốn bằng cổ phiếu Công ty Cổ phần PAN-SaladBowl	17.955.000.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con	Cho vay	70.000.000.000	-
		Doanh thu cho thuê xe	108.000.000	90.000.000
		Cho mượn	-	422.100.000.000
		Góp vốn	-	999.900.000.000
		Mượn tiền	-	358.400.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty liên kết	Cổ tức nhận trong năm	36.000.000.000	-
		Doanh thu cho thuê văn phòng	763.485.310	1.188.800.584
		Chi phí dịch vụ vệ sinh	198.235.240	2.673.141.382
		Thu nhập cổ tức	-	36.000.000.000
		Cho mượn	-	24.000.000.000
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương	Công ty con	Thu nhập cổ tức	22.942.500.000	17.139.838.361
		Cho mượn	-	120.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**17. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần PAN-SaladBowl	Công ty con	Góp vốn	17.955.000.000	-
Công ty TNHH Liên Thái Bình	Công ty liên kết	Cổ tức nhận trong năm Thu nhập cổ tức	7.000.000.000 -	- 7.000.000.000
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đồng	Chi phí thuê văn phòng Nhận góp vốn	1.918.453.127 -	2.019.894.265 35.000.000.000
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Chi phí thuê văn phòng Nhận góp vốn	655.200.000 -	655.200.000 1.309.000.000
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Bên liên quan	Phí dịch vụ	391.600.000	1.623.208.310
Công ty Quản lý Quỹ SSI	Cổ đồng	Phí dịch vụ Nhận góp vốn	360.000.000 -	454.300.000 159.100.000.000
Teal Two Partners Ltd	Cổ đồng	Nhận góp vốn	-	158.173.750.000
International Finance Corporate	Cổ đồng	Nhận góp vốn	-	140.000.000.000
Quỹ đầu tư Populus	Cổ đồng	Nhận góp vốn	-	73.500.000.000
GIC Private Limited	Cổ đồng	Nhận góp vốn	-	45.926.650.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Công ty con	Thu nhập cổ tức	-	21.817.965.000
Công ty TNHH NDH Việt Nam	Cổ đồng	Nhận góp vốn	-	25.610.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**17. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời	Cổ đông	Nhận góp vốn	-	18.870.000.000
Ông Michael Louis Rosen	Phó Chủ tịch HĐQT	Nhận góp vốn	-	7.971.750.000
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	Nhận góp vốn	-	8.227.000.000
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên HĐQT	Nhận góp vốn	-	1.706.000.000
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên BGD	Nhận góp vốn	-	1.496.000.000
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên HĐQT	Nhận góp vốn	-	1.496.000.000
Ông Trần Đình Long	Thành viên HĐQT	Nhận góp vốn	-	621.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**17. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Khoản tương đương tiền</i></b>				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đồng	Tiền gửi có kỳ hạn	91.262.717.443	-
<b><i>Phải thu ngắn hạn khách hàng</i></b>				
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con	Thuê xe	19.800.000	99.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty liên kết	Thuê xe	11.000.000	-
		Thuê văn phòng	-	237.892.978
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đồng	Thuê văn phòng	-	46.395.370
			<b>30.800.000</b>	<b>383.288.348</b>
<b><i>Trả trước ngắn hạn cho người bán</i></b>				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đồng	Phí dịch vụ và đặt cọc	-	100.000.000
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Bên liên quan	Phí dịch vụ	-	79.750.000
			-	<b>179.750.000</b>
<b><i>Phải thu khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đồng	Lãi dự thu	426.399.696	-
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đồng	Đặt cọc thuê văn phòng	304.700.560	304.700.560
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Đặt cọc thuê văn phòng	79.200.000	79.200.000
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty liên kết	Cổ tức	-	36.000.000.000
Công ty TNHH Liên Thái Bình	Công ty liên kết	Cổ tức	-	7.000.000.000
Ông Michael Louis Rosen (từ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2016)	Phó Chủ tịch HĐQT	Chi hộ tiền thuê nhà	-	150.500.000
			<b>810.300.256</b>	<b>43.534.400.560</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**17. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con	Cho vay	70.000.000.000	-
Đây là khoản cho vay tín chấp với lãi suất 5%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 28 tháng 6 năm 2017.				
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đồng	Phí dịch vụ	82.000.000	29.154.303
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty liên kết	Dịch vụ vệ sinh	-	24.750.000
			<b>82.000.000</b>	<b>53.904.303</b>
<b><i>Phải trả khác</i></b>				
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên HĐQT	Thù lao	120.000.000	120.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty liên kết	Đặt cọc thuê văn phòng	-	189.189.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đồng	Đặt cọc thuê văn phòng	-	78.262.800
			<b>120.000.000</b>	<b>387.451.800</b>
Thu nhập của các thành Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:				
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền lương			2.185.250.000	5.906.450.297
Tiền thưởng			528.333.000	1.036.654.556
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>2.713.583.000</b>	<b>6.943.104.853</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**18. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.717.642.742	2.483.403.360
Từ 1 đến 5 năm	2.620.800.000	3.689.256.569
Trên 5 năm	7.381.776.316	8.039.131.579
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.720.219.058</u></b>	<b><u>14.211.791.508</u></b>

**19. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán ngắn hạn và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, tiền gửi và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

**Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**19. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

***Phải thu khách hàng***

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

		VND
	<i>Tổng cộng</i>	<i>Không quá hạn và không bị suy giảm</i>
Số cuối năm	214.255.553.841	214.255.553.841
Số đầu năm	132.760.653.608	132.760.653.608

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**19. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**Rủi ro thanh khoản** (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã chiết khấu:

	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Trên 1 năm</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
<b>Số cuối năm</b>			
Phải trả người bán ngắn hạn	310.745.598	-	310.745.598
Chi phí phải trả và khoản phải trả khác	351.190.693	-	351.190.693
	<b>661.936.291</b>	<b>-</b>	<b>661.936.291</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Phải trả người bán ngắn hạn	587.544.392	-	587.544.392
Chi phí phải trả và khoản phải trả khác	643.349.500	329.271.800	972.621.300
	<b>1.230.893.892</b>	<b>329.271.800</b>	<b>1.560.165.692</b>

**Tài sản đảm bảo**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**20. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty:

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Giá trị hợp lý</i>		<i>VND</i>
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>			
<b>Tài sản tài chính</b>							
Phải thu ngắn hạn khách hàng	40.213.871.738	-	48.085.531.171	-	40.213.871.738	48.085.531.171	
Các khoản phải thu khác	70.916.716.923	-	43.635.269.360	-	70.916.716.923	43.635.269.360	
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.124.965.180	-	41.039.853.077	-	103.124.965.180	41.039.853.077	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>214.255.553.841</b>	<b>-</b>	<b>132.760.653.608</b>	<b>-</b>	<b>214.255.553.841</b>	<b>132.760.653.608</b>	
							<i>VND</i>
			<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>		
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>							
Phải trả người bán ngắn hạn			310.745.598	587.544.392	310.745.598	587.544.392	
Phải trả khác			351.190.693	972.621.300	351.190.693	972.621.300	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>661.936.291</b>	<b>1.560.165.692</b>	<b>661.936.291</b>	<b>1.560.165.692</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**20. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, các khoản phải trả người bán ngắn hạn và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu ngắn hạn được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.

**21. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng.



\_\_\_\_\_  
Vũ Thị Lan Anh  
Kế toán trưởng



\_\_\_\_\_  
Nguyễn Tuấn Anh  
Giám đốc Tài chính



\_\_\_\_\_  
Nguyễn Khắc Hải  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2017